TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G THÀNH PHỐ H	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc**

Bản án số: 12/2025/HS-ST
Ngày: 14 - 01 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G - THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mộng Tuyền.

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Soan.

2. Bà Nguyễn Thị Lý.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thành Luân– Thư ký Tòa án nhân dân quận G, Thành phố H.

- Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân quận G, Thành phố H tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2025 tại Tòa án nhân dân quận G, Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 365/2024/HSST ngày 25 tháng 12 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 414/2024/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 12 năm 2024 đối với bị cáo:

Lý Hiếu L, sinh năm 1985, tại: Thành phố H; Hộ khẩu thường trú và nơi ở hiện tại: Số D Khu phố C, thị trấn H, huyện H, Thành phố H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Lý Văn N, sinh năm 1951 và bà Trần Kim L1, sinh năm 1957; Hoàn cảnh gia đình: Có vợ tên là Võ Lại Thái H, có hai con: con lớn sinh năm 2012 và con nhỏ sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 23/12/2014 bị Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố H xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo bản án số 312/2014/HSST. Ngày 10/3/2015, Tòa án nhân dân Thành phố H xét xử phúc thẩm quyết định giữ nguyên bản án sơ thẩm. Bị can chấp hành xong hình phạt tù ngày 22/5/2015 (Đã xóa án tích); Bị cáo bị bắt và tạm giam từ ngày 06/6/2024 tại Trại tạm giam C (Có mặt).

Bị hại: Ông Đỗ Thanh T, sinh năm 2002; Địa chỉ: Số A Đường số E, Phường A, quận G, Thành phố H. (Có đơn xin vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trương Công T1, sinh năm 1975; Địa chỉ: Số E đường T, Phường A, quận T, Thành phố H. (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào sáng ngày 28/5/2024, Lý Hiếu L đi xe đạp từ nhà tại địa chỉ: số D Khu phố C, thị trấn H, huyện H sang Quận A và quận G để xin việc làm. Đến khoảng 11 giờ 14 phút cùng ngày, L đạp xe đến trước địa chỉ: Số D đường P, Phường I, quận G, Thành phố H thì phát hiện chiếc xe mô tô hiệu Honda Wave RS biển số: 61F1 – 121.31 của ông Đỗ Thanh T dựng trước cửa nhà, chìa khóa cắm sẵn trên ổ khóa và không có người trông coi, trong cốp xe có Giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Nguyễn Thị L2. Liêm dựng chiếc xe đạp ở trước cửa nhà kế bên rồi lấy xe rồi tẩu thoát về khu vực huyện H. Sau đó L đem xe đến cửa hàng X, địa chỉ: Số I đường P, ấp G, xã X, huyện H, Thành phố H bán cho ông Trương Công T1 với giá 5.000.000 (Năm triệu) đồng. Khi bán xe cho ông T1, L cho biết chiếc xe này do L mua lại trong thời gian đi làm thợ hồ tại tỉnh Bình Dương, có làm giấy mua bán tay nhưng hiện đã bị thất lạc. Do cần tiền tiêu xài cá nhân nên L muốn bán chiếc xe trên, ông T1 đồng ý và viết giấy mua bán xe với L, thanh toán thông qua hình thức chuyển tiền từ tài khoản ngân hàng M số 0976900909 đến tài khoản ngân hàng M số 66888668856789 của L. Số tiền trên L đã tiêu xài cá nhân hết.

Đến khoảng 11 giờ ngày 03/6/2024, ông T lên mạng xã hội tìm xe thì phát hiện chiếc xe gắn máy bị mất trộm được đăng bán trên trang mạng "Chotot.com" nên đã đến Công an P, quận G để trình báo sự việc.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 113/KL-HĐĐGTS ngày 13/6/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, Ủy ban nhân dân quận G kết luận xe gắn máy trên có giá trị là: 7.800.000 (Bảy triệu tám trăm ngàn) đồng.

Vật chứng vụ án:

- 01 (một) chiếc xe môtô hiệu Honda Wave RS màu đỏ đen, biển số: 61F1-121.31, số khung: KLHJC520BCY702997; số máy: JC52E0014509. Qua xác minh chiếc xe trên do bà Nguyễn Thị L2 (mẹ ruột ông Đỗ Thanh T) địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện P, tỉnh Bình Dương đứng tên chủ sở hữu. Bà L2 cho biết chiếc xe trên do bà L2 mua vào năm 2012 với giá 25.000.000 (Hai mươi lăm triệu) đồng, đứng tên chủ sở hữu và giao xe cho con trai là ông T sử dụng làm phương tiện đi lại. Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe trên cho bị hại ông Đỗ Thanh T;

- 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe môtô, xe máy số: 007182, tên chủ xe Nguyễn Thị L2, biển số đăng ký: 6171 – 121.31. Cơ quan điều tra đã trả lại Giấy chứng nhận trên cho bị hại ông Đỗ Thanh T;

- 01 (một) USB chứa dữ liệu trích xuất camera ghi lại hình diễn biến vụ án;

- 01 (một) xe đạp màu bạc (là tài sản của bị cáo L);

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo màu đen (thu giữ của L).

Cơ quan điều tra đã nhập kho số vật chứng nêu trên theo Phiếu nhập kho số 301/PNK ngày 11 tháng 11 năm 2024.

Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại ông Đỗ Thanh T đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trương Công T1 yêu cầu Lý Hiếu L bồi thường số tiền 5.000.000 (Năm triệu) đồng.

Tại bản cáo trạng số 15/CT-VKS-QGV ngày 23/12/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân quận G truy tố bị cáo Lý Hiếu L về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát luận tội, đưa ra quan điểm xét xử và đề nghị Hội đồng xét xử:

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận G vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Lý Hiếu L về tội "Trộm cắp tài sản". Đề nghị Hội đồng xét xử: Xem xét bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; Trong quá trình điều tra bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Tài sản đã thu hồi trả lại cho bị hại đây là các tình tiết giảm nhẹ được áp dụng tại điểm điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Đề nghị xử phạt tù đối với Lý Hiếu L từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Viện kiểm sát đề nghị như sau:

- 01 (một) chiếc xe môtô hiệu Honda Wave RS màu đỏ đen, biển số: 61F1-121.31, số khung: KLHJC520BCY702997; số máy: JC52E0014509. Qua xác minh chiếc xe trên do bà Nguyễn Thị L2 (mẹ ruột ông Đỗ Thanh T) địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện P, tỉnh Bình Dương đứng tên chủ sở hữu. Bà L2 cho biết chiếc xe trên do bà L2 mua vào năm 2012 với giá 25.000.000 (Hai mươi lăm triệu) đồng, đứng tên chủ sở hữu và giao xe cho con trai là ông T sử dụng làm phương tiện đi lại. Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe trên cho bị hại ông Đỗ Thanh T. Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận;

- 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 007182, tên chủ xe Nguyễn Thị L2, biển số đăng ký: 6171 – 121.31. Cơ quan điều tra đã trả lại Giấy chứng nhận trên cho bị hại ông Đỗ Thanh T. Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận;

- 01 (Một) USB chứa dữ liệu trích xuất camera ghi lại hình diễn biến vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu kèm theo hồ sơ vụ án;

- 01 (một) xe đạp màu bạc (là tài sản cá nhân của bị cáo không liên quan đến vụ án). Đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho bị cáo;

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo màu đen (là tài sản cá nhân của bị cáo không liên quan đến vụ án). Đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho bị cáo;

Về trách nhiệm dân sự:

Ông Đỗ Thanh T đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác. Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đối với số tiền 5.000.000 (Năm triệu) đồng ông Trương Công T1 mua chiếc xe máy của L. Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Trương Công T1 số tiền 5.000.000 (Năm triệu) đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận G, Thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận G, Thành phố H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Về việc vắng mặt của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa: Bị hại ông Nguyễn Thanh T2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Công T1 vắng mặt có đơn đơn xin vắng mặt. Trong hồ sơ vụ án thể hiện: Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã trình bày lời khai và yêu cầu, vì vậy căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về tội danh:

Tại phiên toà hôm nay, sau khi Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G công bố bản cáo trạng thì bị cáo Lý Hiếu L đã khai nhận hành vi trộm cắp tài sản như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị hại, phù hợp với kết luận điều tra của cơ quan điều tra Công an quận G, với bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận G và với các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án. Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định: Vào khoảng hơn 11 giờ 10 phút ngày 28/5/2024 tại trước địa chỉ số D P, Phường I, quận G, Thành phố H, L đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 xe mô tô hiệu Honda Wave RS biển số 61F1 – 121.31 trị giá 7.800.000 (Bảy triệu tám trăm ngàn) đồng của ông Đỗ Thanh T rồi bán cho ông Trương Công T1 được 5.000.000 (Năm triệu) đồng lấy tiền tiêu xài hết. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý, hành vi lén lút chiếm đoạt 01 xe mô tô hiệu Honda Wave RS biển số 61F1 – 121.31 trị giá 7.800.000 (Bảy triệu tám trăm ngàn) đồng của người bị hại nhằm mục đích để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Lý Hiếu L đã phạm tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, gây bức xúc đối với người dân, song để có tiền tiêu xài cá nhân bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo đã từng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, có nhân thân xấu nhưng bị cáo không sửa đổi bản thân mà tiếp tục phạm tội,

điều đó thể hiện ý thức của bị cáo rất coi thường pháp luật, cần thiết phải áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc và cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo học tập và cải tạo, sau này trở thành người biết tôn trọng pháp luật, đồng thời cũng nhằm răn đe, phòng ngừa tội phạm chung.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra và qua diễn biến phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, tài sản bị cáo trộm cắp đã thu hồi trả lại cho bị hại để giảm nhẹ một phần hình phạt mà lẽ ra bị cáo phải chịu theo quy định tại các điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Hội đồng xét xử xét thấy, Cáo trạng số số: 15/CT-VKS-QGV ngày 23/12/2024 của Viện kiểm sát nhân dân quận G đã truy tố bị cáo Lý Hiếu L tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xét tính chất vụ án nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại ông Nguyễn Thanh T2 đã nhận lại tại sản và không yêu cầu gì thêm, nên Hội đồng xét xử không đưa ra xem xét lại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trương Công T1 yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 5.000.000 (Năm triệu) đồng, đây là số tiền bị cáo có được từ việc bán chiếc xe trộm cắp cho ông Trương Công T1 nên yêu cầu của ông T1 là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, xét thấy:

- 01 (một) chiếc xe môtô hiệu Honda Wave RS màu đỏ đen, biển số: 61F1-121.31, số khung: KLHJC520BCY702997; số máy: JC52E0014509. Qua xác minh chiếc xe trên do bà Nguyễn Thị L2 (mẹ ruột anh Đỗ Thanh T) địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện P, tỉnh Bình Dương đứng tên chủ sở hữu. Bà L2 cho biết chiếc xe trên do bà L2 mua vào năm 2012 với giá 25.000.000 (Hai mươi lăm triệu) đồng, đứng tên chủ sở hữu và giao xe cho con trai là bị hại ông Nguyễn Thanh T2 sử dụng làm phương tiện đi lại. Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe trên cho ông Nguyễn Thanh T2. Xét, việc trả lại tài sản trên là hợp lệ nên không đưa ra xem xét giải quyết lại;

- 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe môtô, xe máy số: 007182, tên chủ xe Nguyễn Thị L2, biển số đăng ký: 6171 – 121.31. Cơ quan điều tra đã trả lại Giấy chứng nhận trên cho bị hại ông Nguyễn Thanh T2. Xét, việc trả lại tài sản trên là hợp lệ nên không đưa ra xem xét giải quyết lại;

- 01 (một) USB chứa dữ liệu trích xuất camera ghi lại hình diễn biến vụ án đây là chứng cứ của vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định tịch thu lưu kèm hồ sơ vụ án để bảo toàn chứng cứ;

- 01 (một) xe đạp màu bạc là tài sản cá nhân của bị cáo, không liên quan đến vụ án nên trả lại cho bị cáo L;

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo màu đen, là tài sản cá nhân của bị cáo, không liên quan đến vụ án nên trả lại cho bị cáo L.

[7] Vấn đề khác: Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trương Công T1 khi mua xe mô tô hiệu Honda Wave RS biển số 61F1 – 121.31 từ bị cáo Lý Hiếu L thì không biết đây là tài sản do bị cáo trộm cắp mà có nên không có cơ sở để xử lý ông Trương Công T1 về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[9] Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

[10] Lời phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh đối với bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và hình phạt đề nghị áp dụng đối với bị cáo phù hợp với quy định pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo Lý Hiếu L phạm tội "Trộm cắp tài sản";

Xử phạt bị cáo Lý Hiếu L 01 (Một) năm tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày tạm giữ, tạm giam 06/6/2024.

Buộc bị cáo Lý Hiếu L phải bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trương Công T1 số tiền là: 5.000.000 (Năm triệu) đồng.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Căn cứ Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

L3 kèm hồ sơ vụ án 01 (một) USB chứa dữ liệu trích xuất camera ghi lại hình ảnh diễn biến vụ án.

Hoàn trả lại cho bị cáo Lý Hiếu L 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo màu đen và 01 (một) xe đạp màu bạc.

(Theo Phiếu nhập kho vật chứng số 301/PNK ngày 11/11/2024 của cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận G).

3. Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Bị cáo phải chịu án phí dân sự sở thẩm là: 300.000 đồng (Ba trăm ngàn) đồng và án phí hình sự sơ thẩm là: 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng.

4. Căn cứ Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính kể từ ngày tuyên án. Bị hại ông Đỗ Thanh T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Công T1 vắng mặt tại phiên toà có thời hạn kháng cáo là 15 ngày được tính kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết.

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, 7a, 7b, Điều 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- VKSND quận G;
- Công an quận G;
- Chi cục thi hành án quận G;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Mộng Tuyền